TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1252/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 44/2016/TLST-HNGĐ ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 544/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 4739/2017/QĐ-ST ngày 21/8/2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Bà Lê Xuân T, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A đường B Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:*

Ông Chung Hồng L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Bà Lê Xuân T trình bày:

Bà và ông Chung Hồng L đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn Số E, quyển số G ngày 16/7/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2007. Quá trình chung sống, giữa bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn do chồng bà sống không chung thủy, có lần bà đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng không thành. Hiện tại, ông L đã trở về Canada sinh sống, hai người không còn liên lạc gì với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông Chung Hồng L có 01 con chung là trẻ Chung Hồng Gia B, giới tính: nam, sinh ngày 25/10/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Chung Hồng L phải cấp dưỡng hàng tháng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Chung Hồng L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Chung Hồng L có văn bản gửi tòa án trình bày ý kiến về việc bà Bà Lê Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 460/TTTPHNGĐ-TLĐ ngày 09/5/2016 và 1284/TTTPHNGĐ-TGĐVNCTN ngày 29/11/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy

thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi nên tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của bà Bà Lê Xuân T thì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do người chồng không chung thủy, kể từ sau khi ra nước ngoài sinh sống vợ chồng không còn liên hệ gì với nhau và tình cảm đến nay không còn; với mâu thuẫn nội tại và nguyện vọng của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về con chung: Giao con chung cho nguyên đơn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải đóng góp phí tổn hàng tháng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Chung Hồng L hiện đang định cư tại Canada. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Chung Hồng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử hai lần nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông Chung Hồng L. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn Số E, quyển số G ngày 16/7/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2007, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Bà Lê Xuân T với ông Chung Hồng L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của bà Bà Lê Xuân T thì sau khi kết hôn, giữa bà với ông Chung Hồng L đã phát sinh mâu thuẫn do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Ông L sinh sống tại Canada, mỗi khi về Việt Nam thăm gia đình cũng không đến thăm hỏi mẹ con bà. Đã một thời gian dài kể từ lúc bà phát hiện chồng sống không chung thủy hai người không liên hệ gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Chung Hồng L để cùng con ổn định cuộc sống riêng.

Đối với bị đơn ông Chung Hồng L hiện đang định cư tại Canada, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Chung Hồng L có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Chung Hồng L không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy, ở thời điểm hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa bà Bà Lê Xuân T với ông Chung Hồng L đã có những trở ngại nhất định; mặc dù nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để xác định ông Chung Hồng L sống không chung thủy nhưng thực tế sau mỗi lần trở về Việt Nam thăm gia đình bị đơn đều chưa đặt nặng vấn đề trách nhiệm, tình cảm đối với vợ con dẫn đến khoảng cách và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đã nhiều năm nay vợ chồng không còn trao đổi, liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó, trách nhiệm đối với tổ ấm riêng của bên có liên quan không còn và khó còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Bà Lê Xuân T được ly hôn với ông Chung Hồng L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; đồng thời bà T phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Bà Bà Lê Xuân T và ông Chung Hồng L có 01 con chung là trẻ Chung Hồng Gia B, giới tính: nam, sinh ngày 25/10/2008. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng hàng tháng nuôi con. Do không có ý kiến phản hồi của bị đơn trong vụ án này nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bà Lê Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 121 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bà Lê Xuân T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bà Lê Xuân T được ly hôn với ông Chung Hồng L.

Giấy chứng nhận kết hôn Số E, quyển số G ngày 16/7/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Chung Hồng Gia B, giới tính: nam, sinh ngày 25/10/2008 cho nguyên đơn bà Bà Lê Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bà Lê Xuân T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 09977 ngày 26/01/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời

hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang